

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VINH LONG**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-02-2025

“V/v ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kiên Nhân
2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Minh Tấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Không.

Trong ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 570/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị B**, sinh năm 1981 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

- Bị đơn: Anh **Phạm Ngọc V**, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị B trình bày:

Vào năm 1999, qua mai mối nên chị và anh Phạm Ngọc V có tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng chỉ kéo dài đến đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và sống không hợp nhau, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không

đoàn tụ được, không liên lạc gì với nhau. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc V.

Về con chung: Khi ly hôn chị B yêu cầu nuôi cháu Phạm Kiều N, sinh ngày 26/09/2010 và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.725.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Phạm Thị Kiều M, sinh ngày 15/08/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Phạm Ngọc V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 08/01/2025, nguyên đơn chị Huỳnh Thị B trình bày: Chị yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc V. Về con chung: Khi ly hôn chị B yêu cầu nuôi cháu Phạm Kiều N, sinh ngày 26/09/2010 và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.725.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng cháu Phạm Thị Kiều M, sinh ngày 15/08/1999 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con”; bị đơn anh Phạm Ngọc V, cư trú tại xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị B và anh Phạm Ngọc V qua mai mối rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 04/10/2000 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Huỳnh Thị B trình bày: Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, nhưng chỉ kéo dài đến đầu năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và sống không hợp nhau, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn nên dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Từ lúc ly thân hai bên không đoàn tụ được, không liên lạc gì với nhau. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Ngọc V.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, tuy nhiên hiện tại vợ chồng chị B, anh V đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Qua đó cho thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: “... *Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

[2]. *Về con chung:* Chị Huỳnh Thị B khai có con chung với anh Phạm Ngọc V là Phạm Thị Kiều M, sinh ngày 15/08/1999, Phạm Kiều N, sinh ngày 26/09/2010. Khi ly hôn chị B yêu cầu nuôi cháu Phạm Kiều N, sinh ngày 26/09/2010.

Xét yêu cầu của chị B được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Kiều N, sinh ngày 26/09/2010. Hội đồng xét xử xét thấy việc quyết định giao con cho người cha hoặc người mẹ nuôi dưỡng sau khi ly hôn cần phải dựa trên quyền lợi về mọi mặt của người con, về điều kiện trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cháu N cũng có nguyện vọng sống chung với chị B. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển, tránh thay đổi môi trường sống, học tập của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị B là giao

cháu Phạm Kiều N, sinh ngày 26/09/2010 cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh Phạm Ngọc V được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Riêng cháu Phạm Thị Kiều M, sinh ngày 15/08/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Hội đồng xét xử xét thấy tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” và khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”. Chị B yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.725.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án anh V chưa có văn bản nào về việc cấp dưỡng nuôi con nên các bên chưa thỏa thuận được về việc cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại Khoản 2, Điều 7, Nghị quyết số 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16/5/2024 quy định “*Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”. Xét thấy mức lương tối thiểu vùng nơi anh V đang cư trú ở huyện T, tỉnh Vĩnh Long là 3.450.000đ/tháng, nên anh V phải cấp dưỡng cho cháu N là 1.725.000đ/tháng. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2025) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Trường hợp có thay đổi cấp dưỡng thì thực hiện theo khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 2 Điều 116 quy định: “*Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị Huỳnh Thị B khai chưa yêu cầu, anh Phạm Ngọc V cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị B được ly hôn với anh Phạm Ngọc V.

[2]. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị B.

Giao cháu Phạm Kiều N, sinh ngày 26/09/2010 cho chị Huỳnh Thị B tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của cháu.

Anh Phạm Ngọc V được quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Riêng cháu Phạm Thị Kiều M, sinh ngày 15/08/1999 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc anh Phạm Ngọc V phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Kiều N, sinh ngày 26/09/2010, mỗi tháng là 1.725.000đ (*Một triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 25/02/2025) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị Huỳnh Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số NQ 0014658 ngày 21/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Huỳnh Thị B đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- UBND xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Bảo